| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 26/2019/KDTM-ST
Ngày: 27-12-2019.
V/v *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đỗ Chí Quang.

***- Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo.

2. Bà Nguyễn Thị Chi.

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Bà Lương Thị Thu - Thư ký tòa án nhân dân Quận 2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 45/2018/TLST-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2018, về việc "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2019/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP A.
Trụ sở: 89 A, phường B, quận C, Thành phố Hà Nội.
Địa chỉ liên lạc: Tầng A, số 96 B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.
*Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn*: ông Đỗ Nguyễn Thành T và ông Đinh Quốc V. Văn bản ủy quyền số 210619/2019/UQ-PTGĐ ngày 31/05/2019. (*ông T có mặt*)

*Bị đơn*: Công ty TNHH S.
Trụ sở: 224 G, phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.
*Người đại diện theo pháp luật*: Bà Đỗ Thị Song P – Giám đốc.
(*bà Song P vắng mặt*)
Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Hồ Hoàng Đ của Công ty Luật TNHH MTV Phúc Đ, thuộc Đoàn luật sư TP. Hồ Chí Minh.
(*Luật sư Đ vắng mặt*)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Đỗ Thị Song P, sinh năm 1976 (*vắng mặt*)
Nơi thường trú: 101/8 A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lee Ji Y, sinh năm 1977. Quốc tịch: Hàn Quốc. (*vắng mặt*)
Nơi cư trú: Phòng số 2402. Tòa nhà S, Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: 224 G, phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.
*Người đại diện theo ủy quyền*: ông Vũ Trọng D, sinh năm 1982. Hợp đồng ủy quyền lập ngày 23/10/2018 tại Phòng công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (*ông D vắng mặt*)

- Bà Lý C, sinh năm 1968. (*vắng mặt*)
Nơi cư trú: 326/128/18 A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: 224 G, phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện ngày 26/6/2018 người đại diện của Ngân hàng TMCP A trình bày:

Công ty TNHH S (gọi tắt Công ty S) với Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng) giao dịch tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số SME/HCM/17/0039/HDHM ngày 20/03/2017, với số tiền vay thỏa thuận theo từng khế ước nhận nợ: Ngày 20/03/2017 ngân hàng giải ngân số tiền 1.000.000.000 đồng; ngày 08/05/2017 giải ngân 84.000.000 đồng; ngày 06/06/2017 giải ngân 84.000.000 đồng; ngày 29/06/2017 giải ngân 84.000.000 đồng. Tổng số tiền vay đã giải ngân là 1.252.000.000 đồng. Thời gian vay 12 tháng, tính từ ngày giải ngân; mức lãi suất là 17,5%/năm (điều chỉnh một tháng một lần), mục đích vay bổ sung vốn lưu động mua bán, gia công hàng may mặc.

- Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 17/5/2017 (kèm theo bản điều khoản và điều kiện), với số tiền 100.000.000 đồng.

Để bảo đảm việc trả toàn bộ nợ vốn và lãi phát sinh, giữa bà Đỗ Thị Song P, Công ty S và Ngân hàng ký kết các hợp đồng bảo lãnh số SME/HCM/17/0039/HDBL ngày 20/03/2017 và hợp đồng bảo lãnh số 171/HDBL ngày 17/05/2017 không có tài sản bảo lãnh.

Quá trình sử dụng vốn vay, Công ty S đã thanh toán được một phần nợ vốn và lãi. Kể từ ngày 28/7/2017 Công ty S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng nhiều lần làm việc, nhắc nhở, đôn đốc nhưng Công ty S vẫn không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng. Tại Đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu: Buộc Công ty S phải trả nợ tín dụng cho Ngân hàng, tính đến ngày 21/6/2018 là 1.239.455.083 đồng, trong đó: Nợ vốn 891.632.232 đồng và lãi quá hạn 291.531.483 đồng; Nợ thẻ tín dụng 123.864.210 đồng. Lãi tiếp tục tính phát sinh từ ngày 22/06/2018 cho đến khi tất toán nợ vốn, theo mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng.

Ngân hàng yêu cầu cá nhân bà Đỗ Thị Song P phải thanh toán toàn bộ nợ của Công ty S, theo hợp đồng bảo lãnh số SME/HCM/17/0039/HDBL ngày 20/03/2017 và hợp đồng bảo lãnh số 171/HDBL ngày 17/05/2017.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên các yêu cầu theo đơn khởi kiện và bổ sung thêm phần lãi phát sinh gồm:

1/ Công ty S phải trả ngay một lần cho Ngân hàng toàn bộ nợ còn thiếu, tính đến hết ngày 27/12/2019 gồm các khoản: Nợ vốn 891.632.232 đồng; Lãi trong hạn 12.286.572 đồng; Lãi quá hạn: 559.055.075 đồng; Phạt chậm trả lãi trong hạn: 3.009.086 đồng; Nợ gốc và lãi thẻ tín dụng: 151.378.446 đồng. Tổng cộng nợ phải trả: 1.617.361.411 đồng.

Lãi quá hạn tiếp tục phát sinh trên dư nợ vốn, kể từ ngày 28/12/2019 cho đến khi tất toán nợ vốn của từng khoản vay, theo mức lãi suất quá hạn quy định tại các khế ước nhận nợ và hợp đồng tín dụng.

2/ Trường hợp Công ty S không chịu thanh toán nợ, thì yêu cầu cá nhân bà Đỗ Thị Song P phải trả nợ thay cho Công ty TNHH S toàn bộ số nợ vốn, lãi tại VPBank, theo cam kết tại Hợp đồng bảo lãnh số SME/HCM/17/0039/HDBL ngày 20/03/2017 và hợp đồng bảo lãnh số 171/HDBL ngày 17/05/2017.

Thời hạn yêu cầu trả nợ: Thanh toán toàn bộ nợ một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty TNHH S phải chịu án phí, lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến của Bị đơn:*

Tại bản tự khai ngày 15/10/2018 và biên bản hòa giải. Bà Lee Ji Y do ông Vũ Trọng D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Lee Ji Y và bà Lý C góp vốn thành lập Công ty TNHH S nên hai bà là chủ sở hữu của Công ty TNHH S. Trước đây, bà Lee Ji Y và bà Lý C có văn bản đồng ý thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S, và đồng ý cho bà Đỗ Thị Song P làm người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305319224 thay đổi lần thứ 11 ngày 02/12/2016.

Trong quá trình bà Đỗ Thị Song P làm người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S và điều hành hoạt động Công ty S, bà P có ký kết hợp đồng vay tín dụng với Ngân hàng TMCP A (theo Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/HCM/17/0039/HĐHM ngày 20/03/2017) nhưng không thông báo cho thành viên công ty là bà Lee Ji Y và bà Lý C biết về khoản vay, mục đích sử dụng vốn vay. Toàn bộ vốn vay từ ngân hàng, bà Đỗ Thị Song P không nộp tiền vào tài khoản Công ty S, mà bà P sử dụng vào các mục đích cá nhân bà P.

Theo thông báo từ cơ quan công an, bà Đỗ Thị Song P hiện không còn cư trú tại địa phương: 101/8 A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay, bà P không đến trụ sở Công ty TNHH S để làm việc, giải quyết các vấn đề tranh chấp liên quan đến công ty. Công ty TNHH S hiện nay do bà Lee Ji Y

quản lý và điều hành, mọi sổ sách và con dấu của Công ty TNHH S do bà Lee Ji Y quản lý. Trụ sở hoạt động chính của Công ty TNHH S tại: 224 Nguyễn Tuyển, phường Bình Trưng Tây, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

Về các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bà Lee Ji Y cho rằng Công ty S không có trách nhiệm phải trả các khoản nợ vay theo yêu cầu của nguyên đơn. Vì các khoản vay này do cá nhân bà Đỗ Thị Song P tự giao dịch và dấu diếm các thành viên chủ sở hữu của Công ty S. Bản thân bà Đỗ Thị Song P đã giao dịch bảo đảm với ngân hàng bằng các Hợp đồng bảo lảnh nên trách nhiệm trả các khoản nợ tín dụng theo yêu cầu của nguyên đơn là thuộc trách nhiệm của cá nhân bà Đỗ Thị Song P.

*Ý kiến của người có quyền, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Lee Ji Y do ông Vũ Trọng D đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa. Theo bản tự khai ngày 25/10/2018, trình bày: Bà Lee Ji Y thống nhất với các ý kiến của người đại diện bị đơn trình bày tại bản khai ngày 15/10/2018. Công ty TNHH S không có trách nhiệm trả khoản nợ vay theo yêu cầu của nguyên đơn. Việc trả nợ tín dụng cho ngân hàng là thuộc trách nhiệm của cá nhân bà Đỗ Thị Song P.

- Bà Lý C vắng mặt, tại các bản tự khai bà Lý C trình bày: Bà C thống nhất với ý kiến của người đại diện cho bà Lee Ji Y trình bày tại các bản tự khai, là Công ty TNHH S không có trách nhiệm trả khoản nợ vay theo yêu cầu của nguyên đơn, mà trách nhiệm trả nợ là thuộc về cá nhân bà Đỗ Thị Song P.

*Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán (Thẩm phán dự khuyết) và đã chấp hành theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Thẩm phán cần rút kinh nghiệm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng vụ án: Nguyên đơn trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, mặc dù đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ.

- Về các yêu cầu của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH S phải có trách nhiệm trả toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng. Tại các bản tự khai, Công ty TNHH S không thể hiện ý kiến đồng ý nhận trách nhiệm trả toàn bộ nợ vốn, lãi phát sinh nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc cá nhân bà Đỗ Thị Song P phải có trách nhiệm trả thay toàn bộ nợ cho Ngân hàng, theo đúng cam kết tại các Hợp đồng

bảo lãnh đã ký kết giữa các bên, là phù hợp theo yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa.

Các bên đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Vụ kiện tranh chấp các hợp đồng tín dụng và tín dụng thẻ giữa các chủ thể có mục đích kinh doanh, lợi nhuận là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại. Ngân hàng TMCP A khởi kiện tranh chấp đòi nợ tín dụng đối với Công ty TNHH S có nội dung yêu cầu phù hợp pháp luật, còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là Công ty TNHH S có trụ sở chính và đang hoạt động tại Quận 2 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng và phạm vi giải quyết vụ án*:

- Quá trình tố tụng vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa sơ thẩm, theo qui định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305319224 thay đổi lần thứ 11 ngày 02/12/2016, thì bà Đỗ Thị Song P làm người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S. Xét kết quả trả lời xác minh của Công an phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh tại văn bản số 99/TAQ2 ngày 12/03/2019 thể hiện: Tại thời điểm xác minh bà Đỗ Thị Song P không cư trú tại địa chỉ: số 02 Mỹ Thái 1C, Khu phố 6, phường Tân Phú, Quận 7. Và xét kết quả trả lời xác minh của Công an phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh tại văn bản số 100/TAQ2 ngày 12/03/2019 thể hiện: Tại thời điểm xác minh bà Đỗ Thị Song P không cư trú tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 101/8 A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại các bản tự khai, bà Lee Ji Y là một trong các thành viên góp vốn, là chủ sơ hữu của Công ty TNHH S thừa nhận bà Đỗ Thị Song P không còn đến trụ sở Công ty S làm việc. Hội đồng xét xử nhận thấy bà Lee Ji Y là thành viên góp vốn, một trong các chủ sơ hữu theo tỷ lệ vốn góp của Công ty TNHH S, bà Lee Ji Y hiện đang trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động doanh nghiệp nên bà Lee Ji Y được xác định là người đại diện hợp pháp cho Công ty TNHH S tham gia tố tụng vụ án và là người đại diện nhận tống đạt các văn bản tố tụng vụ án theo thủ tục chung.

- Bà Đỗ Thị Song P là người ký kết các hợp đồng bảo lãnh số SME/HCM/17/0039/HDBL ngày 20/03/2017 và hợp đồng bảo lãnh số 171/HDBL ngày 17/05/2017 với Ngân hàng cam kết trách nhiệm trả nợ thay,

Hội đồng xét xử xét cần thiết đưa bà Đỗ Thị Song P vào tham gia tố tụng vụ án, với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

- Bà Lee Ji Y và bà Lý C là các thành viên góp vốn, là chủ sơ hữu theo tỷ lệ vốn góp của Công ty TNHH S, Hội đồng xét xử xét cần thiết đưa bà Lee Ji Y và bà Lý C vào tham gia tố tụng vụ án, với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 31/7/2019 (lần một) và ngày 30/9/2019 (lần 2), bà Đỗ Thị Song P và là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S đã được niêm yết tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng bà P vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án đã lập Biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 18/10/2019, Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, bà Đỗ Thị Song P vắng mặt không lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 08/11/219, bà Đỗ Thị Song P vắng mặt lần thứ hai, các đương sự khác có mặt và thống nhất yêu cầu hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định hoãn phiên tòa theo thủ tục chung. Tại phiên tòa hôm nay (ngày 27/12/2019) người đại diện nguyên đơn có mặt, các đương sự khác và Luật sư Đức được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan và Luật sư theo qui định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét việc giao nộp, công khai chứng cứ*:

Theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lập ngày 31/7/2019 và ngày 30/9/2019, các đương sự có mặt, đã thực hiện việc công khai, giao nộp chứng cứ, đương sự đã biết chứng cứ của nhau và không có khiếu nại gì. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng có mặt, tiếp tục giao nộp chứng cứ gồm: Bảng tính lãi chi tiết. Hội đồng xét xử xét giải quyết vụ án sơ thẩm trong phạm vi yêu cầu và các chứng cứ của đương sự giao nộp, được bổ sung tại phiên tòa là đảm bảo nguyên tắc cung cấp chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh trong vụ án dân sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 6, Điều 91, 95, 96 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] *Xét các yêu cầu của Nguyên đơn*:

4.1/ Ngân hàng TMCP A và Công ty TNHH S ký kết Hợp đồng tín dụng số SME/HCM/17/0039/HDHM ngày 20/03/2017 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm lập ngày 17/05/2017 (kèm theo bản điều khoản và điều kiện). Xét đây là hợp đồng tín dụng thẻ có hình thức, nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, đây là giao dịch hợp pháp, có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên và được điều chỉnh theo

quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và các quy định về phát hành, sử dụng thẻ của Ngân hàng Nhà nước.

Xét các hợp đồng bảo lãnh số SME/HCM/17/0039/HDBL ngày 20/03/2017 và hợp đồng bảo lãnh số 171/HDBL ngày 17/05/2017 ký kết giữa Ngân hàng TMCP A, Công ty TNHH S và bà Đỗ Thị Song P là hợp đồng bảo lãnh có hình thức, nội dung giao dịch phù hợp pháp luật về giao dịch bảo đảm nên là giao dịch hợp pháp, có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

4.2/ Đối với yêu cầu của Khế ước nhận nợ số LD1707901098 giải ngân ngày 20/03/2017, dư nợ tính đến ngày 08/11/2019 gồm các khoản: Nợ vốn 748.000.000 đồng, lãi phải trả 486.161.438 đồng, Phạt chậm trả lãi 2.644.709 đồng. Tổng cộng 1.236.806.147 đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy:

- Căn cứ Khế ước nhận nợ số LD1707901098 giải ngân ngày 20/03/2017, Công ty S vay tín dụng 1.000.000.000 đồng và đã nhận tiền theo Ủy nhiệm chi lập ngày 20/03/2017 là sự thật khách quan, phù hợp với các chứng cứ tại hồ sơ và sự chứng minh của người đại diện cho nguyên đơn tại phiên tòa. Quá trình trả nợ, tính đến ngày 28/06/2017 Công ty Song Miin đã thanh toán khoản nợ vốn là 252.000.000 đồng, còn nợ vốn 748.000.000 đồng và ngưng đến nay không trả thêm khoản nợ vốn nào. Ngân hàng thông báo chấm dứt cho vay và chuyển toàn bộ dư nợ vốn của khế ước này sang nợ quá hạn kể từ ngày 28/07/2017. Xét thấy Công ty S không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ vốn cho Ngân hàng là vi phạm các thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số SME/HCM/17/0039/HDHM, là bên có lỗi. Ngân hàng yêu cầu Công ty S có trách nhiệm trả vốn còn nợ 748.000.000 đồng có căn cứ chấp nhận.

- Xét lãi quá hạn phát sinh: Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 qui định "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Xét các bên tự nguyện thỏa thuận việc tính lãi tại hợp đồng tín dụng là không vi phạm điều cấm của pháp luật về giao dịch tín dụng nhằm mục đích kinh doanh, xét đây là mức lãi suất theo thỏa thuận, có giá trị ràng buộc quyền, nghĩa vụ trả lãi giữa các bên. Thời hạn chuyển quá hạn đối với Hợp đồng tín dụng số SME/HCM/17/0039/HDHM kể ngày 28/07/2017 đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 27/12/2019) nên thời gian chịu tính lãi quá hạn là phù hợp theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng. Xét thấy có cơ sở chấp nhận số lãi quá hạn phát sinh đến ngày 27/12/2019 được Ngân hàng xác định là 486.161.438 đồng.

- Đối với khoản phạt chậm trả lãi 2.644.709 đồng (tính đến ngày 27/07/2017), đây là khoản lãi phát sinh do chậm thanh toán lãi trong hạn, phù hợp theo thỏa thuận tự nguyện của các bên tại hợp đồng tín dụng và không trái với quy định pháp luật về tín dụng nên xét chấp nhận.

4.3/ Đối với yêu cầu của Khế ước nhận nợ số LD1718000633 giải ngân ngày 29/06/2017, dư nợ tính đến ngày 27/12/2019 gồm: Nợ vốn 66.632.232 đồng, lãi phải trả 45.111.565 đồng, Phạt chậm trả lãi 288.790 đồng. Tổng cộng: 112.032.587 đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy:

Căn cứ Khế ước nhận nợ số LD1718000633 Công ty S vay tín dụng 84.000.000 đồng và đã nhận tiền theo Ủy nhiệm chi lập ngày 29/06/2017 là phù hợp với các chứng cứ tại hồ sơ và sự chứng minh của người đại diện cho nguyên đơn tại phiên tòa. Khế ước này Công ty S trả được một phần nợ vốn là 17.367.768 đồng, còn nợ 66.632.232 đồng và toàn bộ lãi phát sinh. Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ vốn 84.000.000 đồng sang nợ quá hạn kể từ ngày 28/07/2017. Xét thấy Công ty S không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ vốn cho Ngân hàng là vi phạm các thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số SME/HCM/17/0039/HDHM, là bên có lỗi. Ngân hàng yêu cầu Công ty S có trách nhiệm trả vốn, lãi trong hạn và quá hạn còn nợ tính đến ngày 27/12/2019 gồm: Vốn 66.632.232 đồng, lãi phải trả 45.111.565 đồng, Phạt chậm trả lãi 288.790 đồng. Tổng cộng: 112.032.587 đồng là có căn cứ chấp nhận.

4.4/ Đối với yêu cầu của Khế ước nhận nợ số LD1712800566 giải ngân ngày 08/05/2017, dư nợ tính đến ngày 27/12/2019 gồm: Nợ vốn 35.000.000 đồng, lãi phải trả 18.153.541 đồng, Phạt chậm trả lãi 755.587 đồng. Tổng cộng: 53.229.128 đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy:

Căn cứ Khế ước nhận nợ số LD1712800566 Công ty S vay tín dụng 84.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền vay theo Ủy nhiệm chi lập ngày 08/05/2017 là phù hợp với các chứng cứ tại hồ sơ và sự chứng minh của người đại diện cho nguyên đơn tại phiên tòa. Khế ước số LD1712800566 Công ty S trả được một phần nợ vốn là 49.000.000 đồng, còn nợ 35.000.000 đồng và trả được một phần lãi trong hạn phát sinh là 7.979.928 đồng. Ngân hàng chuyển dư nợ vốn 35.000.000 đồng sang nợ quá hạn kể từ ngày 28/12/2017. Xét thấy Công ty S không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vốn cho Ngân hàng là vi phạm các thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số SME/HCM/17/0039/HDHM, là bên có lỗi. Ngân hàng yêu cầu Công ty S có trách nhiệm trả vốn, lãi quá hạn còn nợ tính đến ngày 27/12/2019 gồm: Nợ vốn 35.000.000 đồng, lãi phải trả 18.153.541 đồng, Phạt chậm trả lãi 755.587 đồng. Tổng cộng: 53.229.128 đồng là có căn cứ chấp nhận.

4.5/ Đối với yêu cầu của Khế ước nhận nợ số LD1715700775 giải ngân ngày 06/06/2017, dư nợ tính đến ngày 27/12/2019 gồm: Nợ vốn 42.000.000 đồng, lãi phải trả 21.915.102 đồng. Tổng cộng: 63.915.102 đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy:

Căn cứ Khế ước nhận nợ số LD1715700775 Công ty S vay tín dụng 84.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền vay ngày 06/06/2017 là phù hợp với chứng cứ tại hồ sơ và sự chứng minh của người đại diện cho nguyên đơn tại phiên tòa. Khế ước số LD1715700775 Công ty S trả được 42.000.000 đồng nợ vốn, còn nợ 42.000.000 đồng. và trả được khoản lãi trong hạn là 7.450.267 đồng. Ngân hàng chuyển dư nợ vốn 42.000.000 đồng sang nợ quá hạn kể từ ngày 28/12/2017. Xét thấy Công ty S không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vốn và lãi cho Ngân hàng là vi phạm các thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số SME/HCM/17/0039/HDHM, là bên có lỗi. Ngân hàng yêu cầu Công ty S có trách nhiệm trả vốn, lãi quá hạn còn nợ tính đến ngày 27/12/2019 gồm: Nợ vốn 42.000.000 đồng, lãi phải trả 21.915.102 đồng. Tổng cộng: 63.915.102 đồng là

có căn cứ chấp nhận.

4.6/ Đối với khoản nợ phát sinh từ Thẻ tín dụng Quốc tế ngày 17/05/2017, dư nợ tính đến ngày 27/12/2019 gồm: Nợ gốc 100.000.000 đồng, lãi phải trả 51.378.446 đồng. Tổng cộng: 151.378.446 đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy:

Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm lập ngày 17/05/2017 (kèm theo bản điều khoản và điều kiện) thì Ngân hàng đã phát hành Thẻ tín dụng Quốc tế, với tên in nổi trên thẻ là Công ty S (mã thuế 0305319224), do bà Đỗ Thị Song P làm người đại diện pháp luật của công ty trực tiếp sử dụng thẻ, với hạn mức số tiền 100.000.000 đồng, trong thời hạn 12 tháng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Đỗ Thị Song P đã thanh toán qua thẻ và rút tiền mặt hết hạn mức thẻ là 100.000.000 đồng, đến nay vẫn chưa trả được khoản nào. Xét thấy Công ty S do bà Đỗ Thị Song P làm người đại diện pháp luật đã vi phạm các thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng nên Công ty S phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ vốn và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế, với số nợ tính đến ngày 27/12/2019, gồm vốn 100.000.000 đồng và lãi phát sinh là 51.378.446 đồng. Tổng cộng: 151.378.446 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, căn cứ số nợ được nguyên đơn chứng minh tại phiên tòa là phù hợp với các chứng cứ cung cấp, giao nộp cho Tòa án và có tại hồ sơ, Hội đồng xét xử, xét thấy Công ty S phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ vốn và lãi quá hạn, tính đến ngày 27/12/2019 gồm các khoản: Nợ vốn 891.632.232 đồng; lãi trong hạn 12.286.572 đồng, lãi quá hạn 559.055.075 đồng; Lãi do chậm thanh toán 3.009.086 đồng; Nợ thẻ tín dụng gốc và lãi 151.378.446 đồng. Tổng cộng các khoản nợ phải trả: 1.617.361.411 đồng.

4.7/ Lãi quá hạn tiếp tục tính phát sinh trên dư nợ vốn tương ứng theo từng Khế ước nhận nợ, kể từ ngày 28/12/2019 cho đến khi tất toán vốn theo mức lãi suất quá hạn quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ, là phù hợp theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng và pháp luật nên xét chấp nhận.

[5] *Xét trách nhiệm bảo lãnh trả nợ thay*:

Căn cứ Hợp đồng bảo lãnh số SME/HCM/17/0039/HDBL ngày 20/03/2017 và Hợp đồng bảo lãnh số 171/HDBL ngày 17/05/2017 ký kết giữa bà Đỗ Thị Song P, Công ty S và Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng thỏa thuận nghĩa vụ được bảo lãnh và thời hạn bảo lãnh: "Bà Đỗ Thị Song P đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty S trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty S đối với Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/HCM/17/0039/HDHM ngày 20/03/2017 và cá hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty S và Ngân hàng".

Xét theo yêu cầu trong Đơn khởi kiện ngày 26/06/2018 và yêu cầu của người đại diện nguyên đơn tại phiên tòa: Yêu cầu cá nhân bà Đỗ Thị Song P phải có trách nhiệm trả nợ thay toàn bộ nợ của Công ty S tại VPBank, theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/HCM/17/0039/HDBL ngày 20/03/2017 và hợp đồng bảo

lãnh số 171/HDBL ngày 17/05/2017 được ký kết giữa bà Đỗ Thị Song P, Công ty TNHH S và VPBank.

Xét theo ý kiến của các thành viên góp vốn thành lập Công ty S tại các bản tự khai và biên bản hòa giải trình bày: trừ chối việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay và thừa nhận Công ty S hiện nay không có khả năng tài chính để trả các khoản nợ tín dụng phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/HCM/17/0039/HDHM ngày 20/03/2017 và Thẻ tín dụng Quốc tế ngày 17/05/2017. Hội đồng xét xử, xét thấy có căn cứ cần và đủ để làm phát sinh trách nhiệm của người bảo lãnh cam kết trả nợ thay đối với bà Đỗ Thị Song P theo các điều khoản quy định tại Hợp đồng bảo lãnh số SME/HCM/17/0039/HDBL ngày 20/03/2017 và hợp đồng bảo lãnh số 171/HDBL ngày 17/05/2017. Đồng thời buộc cá nhân bà Đỗ Thị Song P phải có trách nhiệm trả thay toàn bộ nợ vốn và lãi (phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/HCM/17/0039/HDHM ngày 20/03/2017 và Thẻ tín dụng Quốc tế ngày 17/05/2017), tính đến ngày 27/12/2019 gồm các khoản: Nợ vốn 891.632.232 đồng; lãi trong hạn 12.286.572 đồng, lãi quá hạn 559.055.075 đồng; Lãi do chậm thanh toán 3.009.086 đồng; Nợ thẻ tín dụng gốc và lãi 151.378.446 đồng. Tổng cộng các khoản nợ phải trả: 1.617.361.411 đồng.

[6] *Xét các ý kiến của bị đơn*:

Về các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bà Lee Ji Y là thành viên sáng lập Công ty TNHH S cho rằng: Công ty S không có trách nhiệm phải trả khoản nợ vay theo yêu cầu của ngân hàng. Vì các khoản vay này do cá nhân bà Đỗ Thị Song P tự giao dịch và dấu diếm các thành viên chủ sở hữu của công ty. Bản thân bà Đỗ Thị Song P đã giao dịch bảo đảm với ngân hàng bằng các Hợp đồng bảo lảnh nên trách nhiệm trả các khoản nợ tín dụng theo yêu cầu của nguyên đơn là thuộc trách nhiệm của cá nhân bà Đỗ Thị Song P. Xét ý kiến này là có cơ sở nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận

[7] *Xét ý kiến của người có quyền, nghĩa vụ liên quan*:

- Ý kiến của bà Lee Ji Y cho rằng: Bản thân bà Đỗ Thị Song P đã giao dịch bảo đảm với ngân hàng bằng các Hợp đồng bảo lãnh nên trách nhiệm trả các khoản nợ tín dụng theo yêu cầu của nguyên đơn là thuộc trách nhiệm của cá nhân bà Đỗ Thị Song P. Xét ý kiến này là có cơ sở nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận

[8] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên*:

- Xét ghi nhận kiến nghị của Kiểm sát viên về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Xét ghi nhận kiến nghị của Kiểm sát viên về chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP A. Buộc Công ty TNHH S trả toàn bộ nợ vốn và lãi phát sinh. Trường hợp Công ty TNHH S không thực hiện nghĩa vụ trả

nợ thì cá nhân bà Đỗ Thị Song P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay theo cam kết tại các hợp đồng bảo lãnh.

[9] *Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác*:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 60.520.842 đồng, do Công ty TNHH S chịu, trên các yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Chi phí tố tụng về việc tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, do Công ty TNHH S phải chịu và trả lại số chi phí này cho Ngân hàng TMCP A.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 95, 96 và Điều 210; khoản 2 Điều 227, 228; Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều khoản tại Hợp đồng tín dụng số SME/HCM/17/0039/HDHM ngày 20/03/2017 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm lập ngày 17/05/2017 (kèm theo bản điều khoản và điều kiện vay tín dụng thẻ của Ngân hàng TMCP A); Và Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Căn cứ vào các điều khoản tại Hợp đồng bảo lãnh số SME/HCM/17/0039/HDBL ngày 20/03/2017 và hợp đồng bảo lãnh số 171/HDBL ngày 17/05/2017;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm trả toàn bộ nợ, tính đến ngày 27/12/2019 gồm: Nợ vốn 891.632.232 đồng; lãi trong hạn 12.286.572 đồng, lãi quá hạn 559.055.075 đồng; Lãi do chậm thanh toán 3.009.086 đồng; Nợ thẻ tín dụng gốc và lãi 151.378.446 đồng. Tổng cộng các khoản nợ phải trả: 1.617.361.411đ (*Một tỷ, sáu trăm mười bảy triệu, ba trăm sáu mươi mốt nghìn, bốn trăm mười một đồng*).

Lãi quá hạn tiếp tục tính phát sinh trên dư nợ vốn tương ứng, theo từng Khế ước nhận nợ kể từ ngày 28/12/2019 cho đến khi tất toán nợ vốn, theo mức lãi suất quá hạn quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ và Hợp đồng tín dụng số SME/HCM/17/0039/HDHM ngày 20/03/2017;

Thời hạn thanh toán: Trả ngay một lần, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty TNHH S không trả nợ hoặc trả không hết nợ, buộc cá nhân bà Đỗ Thị Song P phải có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH S, đối với toàn bộ nợ vốn và lãi tín dụng trên đây cho Ngân hàng TMCP A theo cam kết tại Hợp đồng bảo lãnh số SME/HCM/17/0039/HDBL ngày 20/03/2017 và hợp đồng bảo lãnh số 171/HDBL ngày 17/05/2017.

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. *Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng*:

Công ty TNHH S chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 60.520.842đ (*Sáu mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn, tám trăm bốn mươi hai đồng*), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH S chịu chi phí tố tụng là 3.000.000 đồng và trả lại số tiền chi phí tố tụng này cho Ngân hàng TMCP A.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP A tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.591.826 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2017/0015350 ngày 10/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Quyền kháng cáo:*

- Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa đối với bản án này là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

- Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Trường hợp đơn kháng cáo của đương sự được gửi qua dịch vụ bưu chính thì ngày kháng cáo được xác định căn cứ vào ngày tổ chức dịch vụ bưu chính nơi gửi đóng dấu ở phong bì.

**Nơi nhận**:
- Các đương sự;
- Viện KSND Quận 2;
- Chi cục THA DS Quận 2;
- TAND TP HCM;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Chí Quang**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA